TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 01/2023/QĐST-DS	*Thái Thụy, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dinh và bà Đỗ Thị Thu Hà.

Căn cứ vào các Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, 218, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự, NQ 326/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thùy L, sinh năm 1983. Người đại diện theo ủy quyền của chị Linh: Bà Đoàn Thị O, sinh năm 1958.

Đều cư trú tại: Số nhà 11, ngõ 104, Nguyễn An Ninh, phường M, quận M2, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1958. Nơi cư trú tổ dân phố H4, thị trấn D, huyện R, tỉnh B. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật

sư Lại Xuân C - Công ty luật TNHH NTB Legal thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội**.**

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Số nhà 286, tổ dân phố 7, thị trấn D, huyện R, tỉnh B.

Ông Lê Đức TR, sinh năm 1954. Nơi cư trú: thôn Q, xã H1, huyện R, tỉnh B.

Bà Đoàn Thị O, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số nhà 11, ngõ 104, Nguyễn An Ninh, phường M, M2, thành phố Hà Nội

Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1962. Nơi cư trú: tổ dân phố H4, thị trấn D, huyện R, tỉnh B.

2. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

2.1. Xác định phần di sản thừa kế của cụ Lê Thị G là 1/2 thửa đất số 274, tờ bản đồ số 3, diện tích đất 87,95m2 (trong đó đất ở là 80m2 và đất vườn là 7,95m2) có địa chỉ tại tổ dân phố H4, thị trấn D, huyện R, tỉnh B theo kết quả định giá có giá trị là 248.965.900 đồng (các tài sản trên đất đã hết khấu hao).

2.2. Các đương sự thỏa thuận và thống nhất chia di sản thừa kế của cụ G bằng hiện vật là diện tích 87,95m2 đất cho những người được hưởng thừa kế là chị L, ông H, ông Đ và ông TR. Cụ thể chị L, ông H, ông Đ, ông TR mỗi người được hưởng 21,98m2 (trong đó 20m2 đất ở và 1,98m2 đất vườn), ông Đ và ông TR tự nguyện cho lại phần di sản được hưởng cho chị L nên chị L được hưởng diện tích đất là 21,98m2 x 3 = 65,96m2 (trong đó 60m2 đất ở và 5,96 m2 đất vườn), chị L tự nguyện chỉ nhận 60 m2 đất ở còn lại 5,96 m2 đất vườn chị cho lại ông H, vì vậy ông H được hưởng di sản thừa kế là 27,95 m2 (trong đó 20m2 đất ở và 7,95 m2 đất vườn).

* Phần diện tích 60m2 đất ở của chị L được hưởng có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H.

Phía Đông giáp thửa đất số 207.

Phía Tây giáp đường bê tông.

Phía Nam giáp thửa đất số 285 và số 273

* Phần diện tích 27,95 m2 (trong đó 20m2 đất ở và 7,95 m2 đất vườn) của ông Hoa được hưởng có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp phần di sản thừa kế của cụ Lê Văn H2.

Phía Nam giáp phần đất của chị L.

Phía Đông giáp thửa số 207.

Phía Tây giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ kèm theo).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn H2 (chị Linh xác định thời hiệu đã hết nên rút yêu cầu). Đối với phần đình chỉ trên các đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại. Các đương sự tự nguyện và thống nhất đối với phần di sản của cụ Lê Văn H2 để lại đã hết thời hiệu khởi kiện nên phần di sản này thuộc về ông Lê Văn H – là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông H và các đương sự có trách nhiệm liên hệ với chính quyền địa phương để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông H.

4. Về công sức trông coi, quản lý di sản thừa kế: Chị L tự nguyện thanh toán cho ông H và bà TH số tiền 10.000.000 đồng là công sức trông coi, quản lý di sản thừa kế.

5. Về án phí và lệ phí: Chị L nhận chịu toàn bộ 7.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị L, ông H, ông Đ, ông TR được hưởng phần di sản có giá trị (248.965.900 đồng : 4) là 62.242.000 đồng nên chị L, ông H, ông Đ, ông TR mỗi người phải chịu 3.112.000 đồng án phí dân sự. Do ông H, ông Đ, ông TR là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông H, ông Đ và ông TR.

Chuyển số tiền 10.000.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004300 ngày 07/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, sau khi đối trừ trả lại chị L số tiền là 6.888.000 đồng

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *VKDND huyện Thái Thụy.*
- *Chi cục THADS huyện Thái Thụy.*
- *TAND tỉnh TB.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương